TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ** B **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1701**/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 24 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 2119/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Ông **Nguyễn Thành V,** sinh năm 1985.

Địa chỉ: 15, khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Đỗ T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 15, khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành V và bà Đỗ T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành V và bà Đỗ T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thành V và bà Đỗ T.

Giao cháu Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 28/02/2010 cho ông Nguyễn Thành V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Đỗ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đỗ T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Nguyễn Thành V và bà Đỗ T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm

nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 003909 ngày 22/12/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B được tính trừ vào lệ phí ông Nguyễn Thành V và bà Đỗ T đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND phường A, TP. B;
(số 090/2010);
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Kim Dung